TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CL** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST Ngày: 20-11-2018 V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương;

2. Ông Phạm Phước Tâm;

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn và nhân gia đình – Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/2018/QĐ-ST ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp 1, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 4, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/7/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Kiều T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T, anh H được sự đồng ý của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp ngày 08/11/2002. Thời gian đầu hạnh phúc và có 02 con chung. Sau đó, chị T phát hiện anh H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị T có khuyên ngăn và cho anh H cơ hội sửa đổi nhưng anh H không sửa đổi. Anh H thường xuyên vắng nhà, không quan tâm gì đến vợ con. Chị T, anh H đã sống ly thân hơn 03 tháng nay, sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể nào hàn gắn tình cảm nên nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Văn Hữu, sinh ngày 24/8/1998 và Phạm Hoàng Tuấn, sinh ngày 07/10/2003. Hiện nay, con chung tên Phạm Hoàng Tuấn đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Phạm Hoàng Tuấn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Phạm Văn Hữu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Phạm Văn H đã được được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Kiều T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Phạm Văn H là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ: Ấp 4, xã ML, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Phạm Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Phạm Văn H.

2. **Về nội dung vụ án**:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị T, anh H sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ML ngày 08/11/2002 do đó hôn nhân giữa chị chị T và anh H là hợp pháp. Chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; Anh H không quan tâm đến vợ con và có tình cảm với người phụ nữ khác; Chị T nhiều lần khuyên nhưng anh H không thay đổi. Chị T, anh H đã ly thân nhau hơn 03 tháng nay, sau khi ly thân không ai có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không thể nào hàn gắn tình cảm nên nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H.

Anh H đã nhận được các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án và biết nội dung chị T yêu cầu xin ly hôn với anh, nhưng không có ý kiến, không có mặt tại phiên tòa. Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ

vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Chị T, anh H có 02 con chung tên Phạm Văn Hữu, sinh ngày 24/8/1998 và Phạm Hoàng Tuấn, sinh ngày 07/10/2003. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Phạm Hoàng Tuấn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Phạm Văn Hữu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Căn cứ vào văn bản tự khai ngày 28/8/2018 thì cháu Phạm Hoàng Tuấn có nguyện vọng được sống với chị T và hiện nay chị T là người đang trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Hoàng Tuấn. Do đó, giao con chung tên Phạm Hoàng Tuấn, sinh ngày 07/10/2003 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Đối với con chung tên Phạm Văn Hữu, sinh ngày 24/8/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000681 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Phạm Hoàng Tuấn, sinh ngày 07/10/2003 cho chị Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T

không yêu cầu. Con chung tên Phạm Văn Hữu, sinh ngày 24/8/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000681 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Trần Hữu Hà